

Số: 462/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý **số 459/2022/TLST-HNGĐ** ngày 21/06/2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Lê Đăng T1** - sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: căn hộ 304, CT8A, Khu B, khu đô thị mới D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

- **Và chị Lê Thị Thúy N** - sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: căn hộ 304, CT8A, Khu B, khu đô thị mới D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả anh Lê Đăng T1 và chị Lê Thị Thúy N cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T1 và chị N đều thống nhất xác nhận anh chị có 02 con chung là Lê Anh T2 (nữ) sinh ngày 22/04/2005 và Lê Cẩm T3 (nữ) sinh ngày 16/04/2009. Ly hôn, anh chị đã thống nhất tự thỏa thuận để chị N trực

tiếp nuôi dưỡng cả 02 con là cháu Anh T2 và Cầm T3, anh T1 tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con là 6.000.000 đồng/tháng/02con, chị N đồng ý.

[3] Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T1 và chị N thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

[4] Về nợ: Anh T1 và chị N thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị N tự nguyện nộp cả tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, anh T1 đồng ý.

Ngoài ra anh T1 và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đăng T1 và chị Lê Thị Thúy N.

- *Về con chung*: Anh T1 và chị N đều xác nhận anh chị có 02 con chung là Lê Anh T2 (nữ) sinh ngày 22/04/2005 và Lê Cầm T3 (nữ) sinh ngày 16/04/2009.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 và chị N: Giao cả hai con chung là cháu Anh T2 và Cầm T3 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/tháng/02con (cụ thể là 3.000.000 đồng/tháng/01con). Việc cấp dưỡng kể từ tháng 07/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Anh T1 và chị N thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

- *Về nợ*: Anh T1 và chị N thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng

tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự (đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 010247 ngày 21/06/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Hồng Lý